

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

Ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hoàng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số D, khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; thường trú tại: Số D, khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: ông H và bà K quen biết, tìm hiểu khoảng 01 thì chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2019 nhưng đến ngày 03/8/2023 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng năm 2023 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà K không chăm lo cho gia đình, con cái, thường xuyên bỏ nhà đi, ông H nghi ngờ bà K có người khác bên ngoài thì cả hai cãi nhau. Vào tháng 9/2023, bà K bỏ nhà đi ông lên Bình Dương rước về được vài tháng thì bà K tiếp tục bỏ đi. Từ tháng 01/2024 cho đến nay, bà K đi làm ở Bình Dương, không về thăm con, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cả hai thiếu niềm tin trong đời sống vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H xác định không còn tình cảm với bà K nên yêu cầu được ly hôn với bà K.

Về con chung: ông H và bà K có 01 con chung tên Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/12/2020 hiện đang sống với ông H, ông H yêu cầu giao con cho ông tiếp tục nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại ông H làm tài xế xe ô tô tải, thu nhập trung bình 20.000.000đ/tháng, đủ điều kiện nuôi con. Bản thân ông có nơi ở ổn định tại địa chỉ số D, khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, hiện sống chung nhà cha mẹ ruột của ông, hàng ngày ông đi làm thì cha mẹ ông phụ chăm sóc và đưa con ông đi học, từ khi bà K bỏ đi cháu P đều do ông nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/9/2024, bị đơn Nguyễn Thị K trình bày: bà thống nhất lời trình bày của ông H về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H, đồng ý giao con chung Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/12/2020 cho ông H nuôi dưỡng, bà K không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà K trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: bà K và ông H đều có đơn xin xử vắng mặt và bảo lưu các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn

và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H. Cho ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều. Giao một con chung tên Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/12/2020 cho ông H nuôi dưỡng, bà K không phải cấp dưỡng nuôi con. Án phí ly hôn ông H phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông H khởi kiện yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà K, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà Kiều tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, bà K và ông H đều xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai thiếu niềm tin trong đời sống vợ chồng, hiện đã sống ly thân, cả hai đều không còn tình cảm và thống nhất ly hôn, nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, xử cho ông H và bà K ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: ông H và bà K có 01 con chung tên Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/12/2020. Bà K đồng ý giao con cho ông H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của ông H nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H giao con chung cho ông tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Ông H không yêu cầu bà K cấp dưỡng, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: ông H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.5] Nợ chung: ông H và bà K xác định không có nợ chung, không ai nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Như phân tích trên, nên lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh H với bà Nguyễn Thị Kiều

2. Về con chung: giao 01 con chung tên Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/12/2020 cho ông Nguyễn Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Nợ chung: ông H và bà K xác định không có nợ chung, không ai nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn

đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007076 ngày 10/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
 - Các đương sự;
 - THADS TPVL;
 - VKSND TPVL;
 - UBND phường T, TP .
- (Giấy CNKH số 38, ngày 03/8/2023);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

